

Số: 27 BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

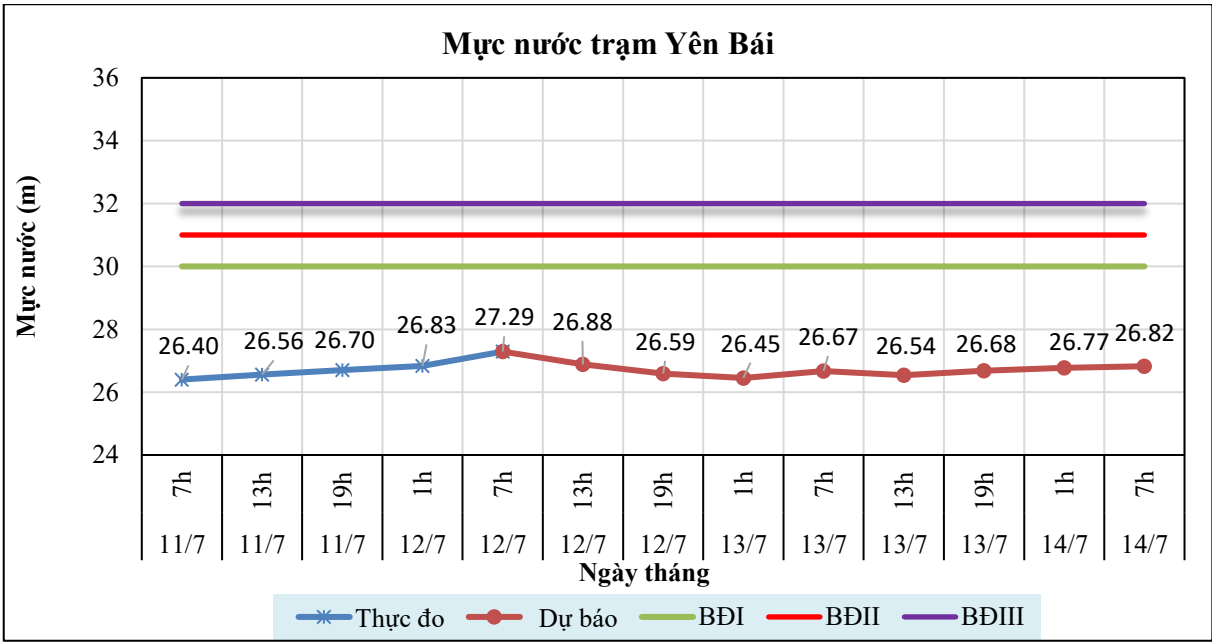
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

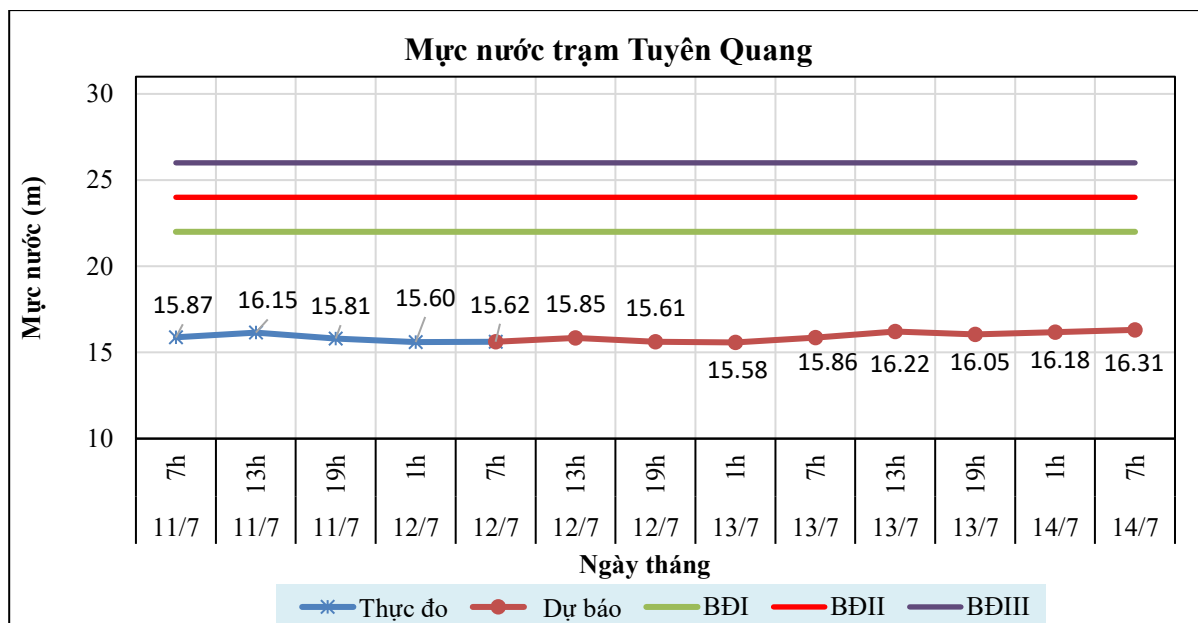
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mực nước trạm Tuyên Quang

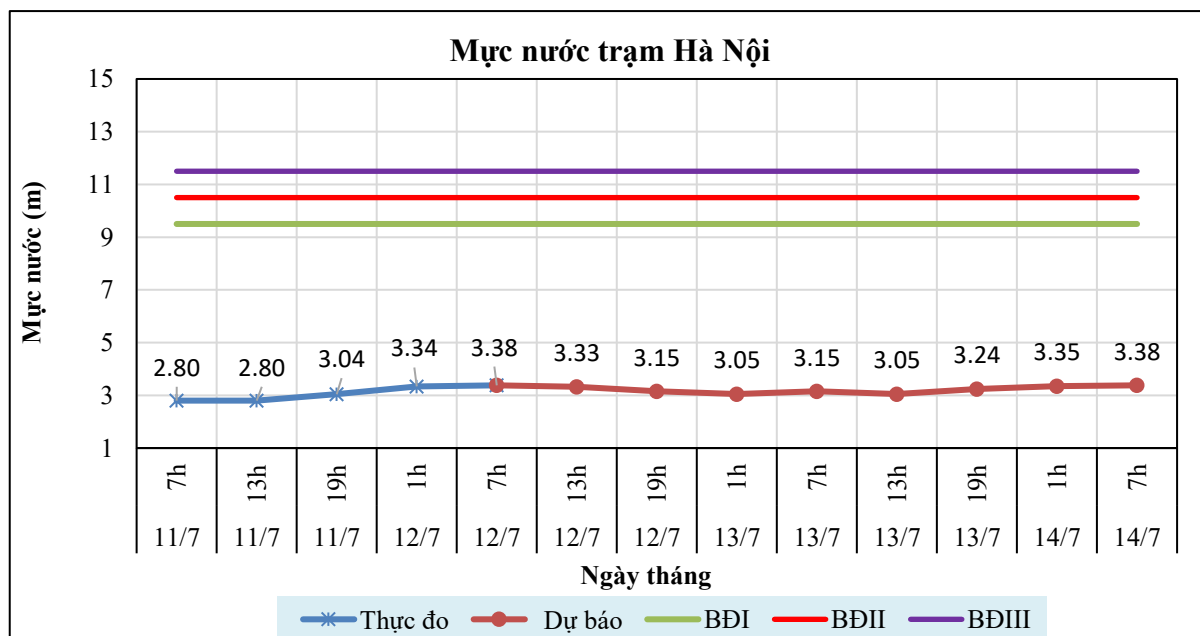
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mực nước trạm Hà Nội

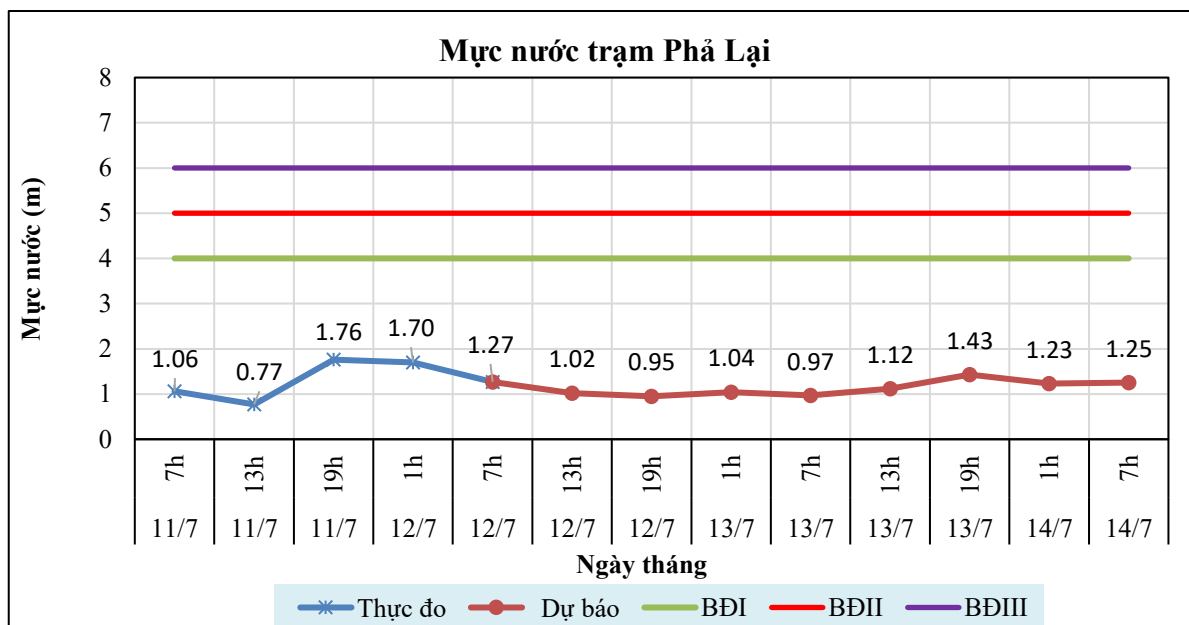
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

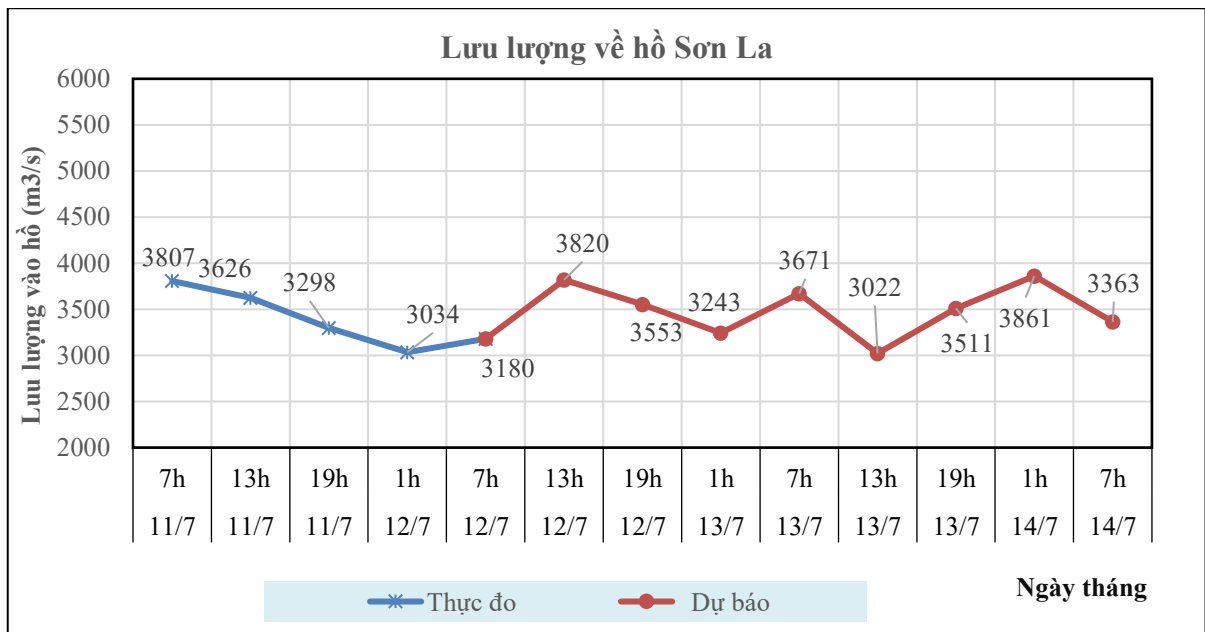
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

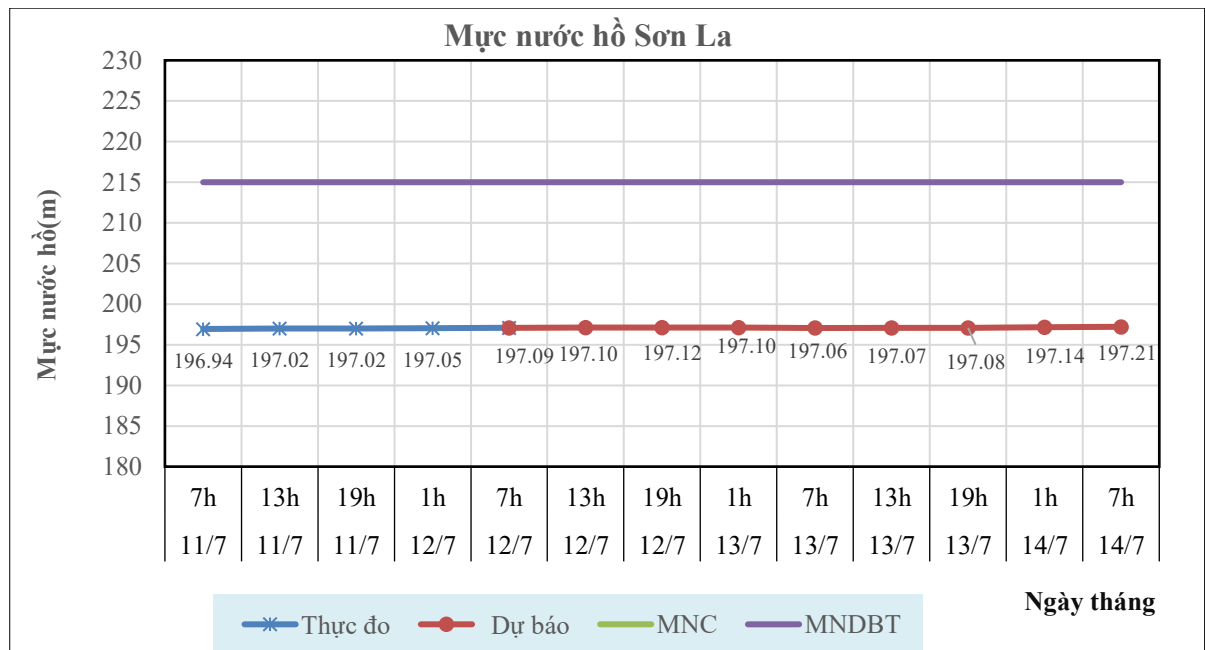
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/07/2025 đạt 3180m³/s, mực nước hồ đạt 197.09m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3671m³/s, mực nước hồ 197.06m, 48h tới lưu lượng đạt 3363m³/s, mực nước đạt 197.21m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

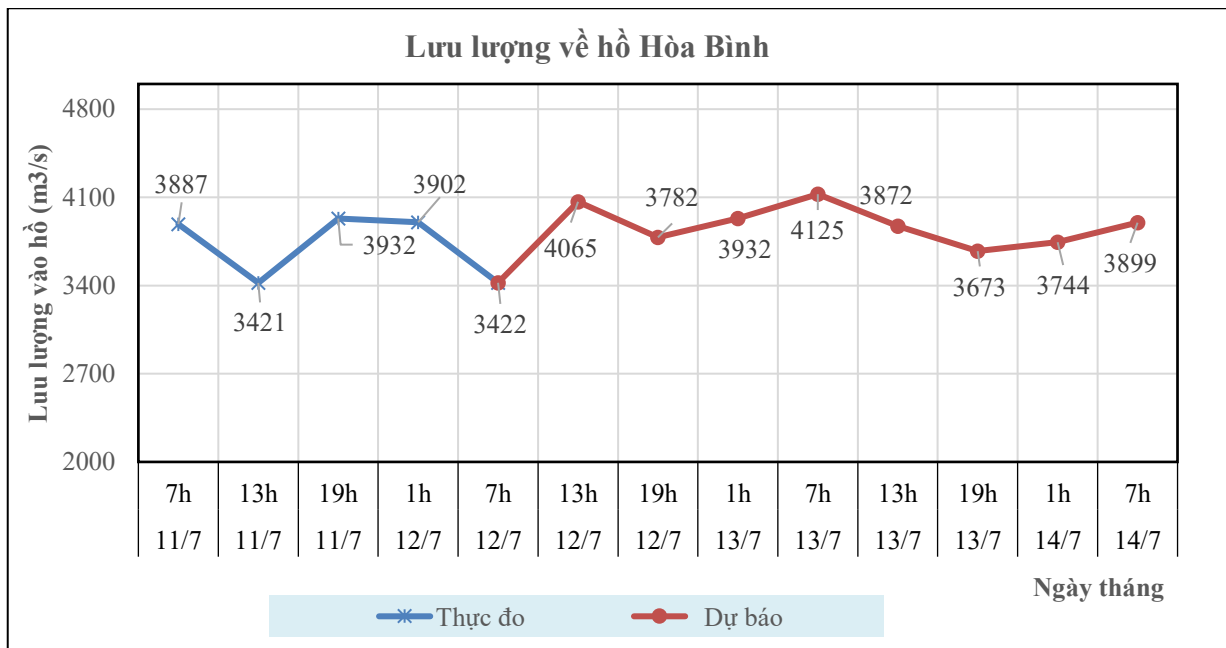
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

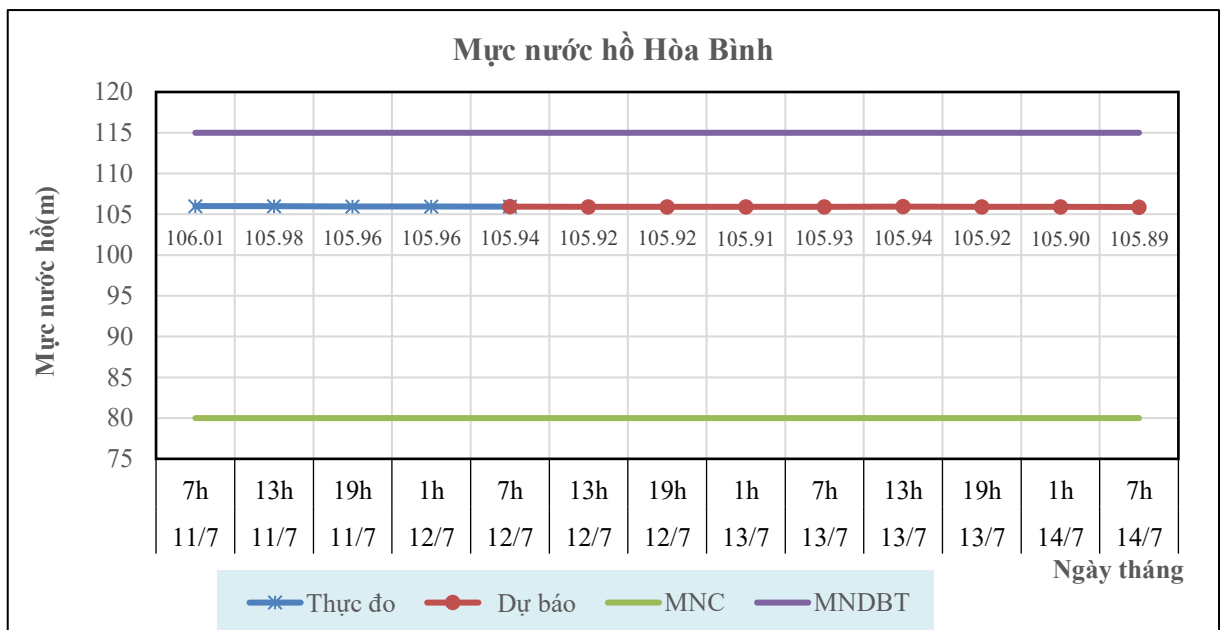
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/07/2025 đạt 3422m³/s, mực nước hồ đạt 105.94m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 4125m³/s, mực nước hồ 105.93m, 48h tới lưu lượng đạt 3899m³/s, mực nước đạt 105.89m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

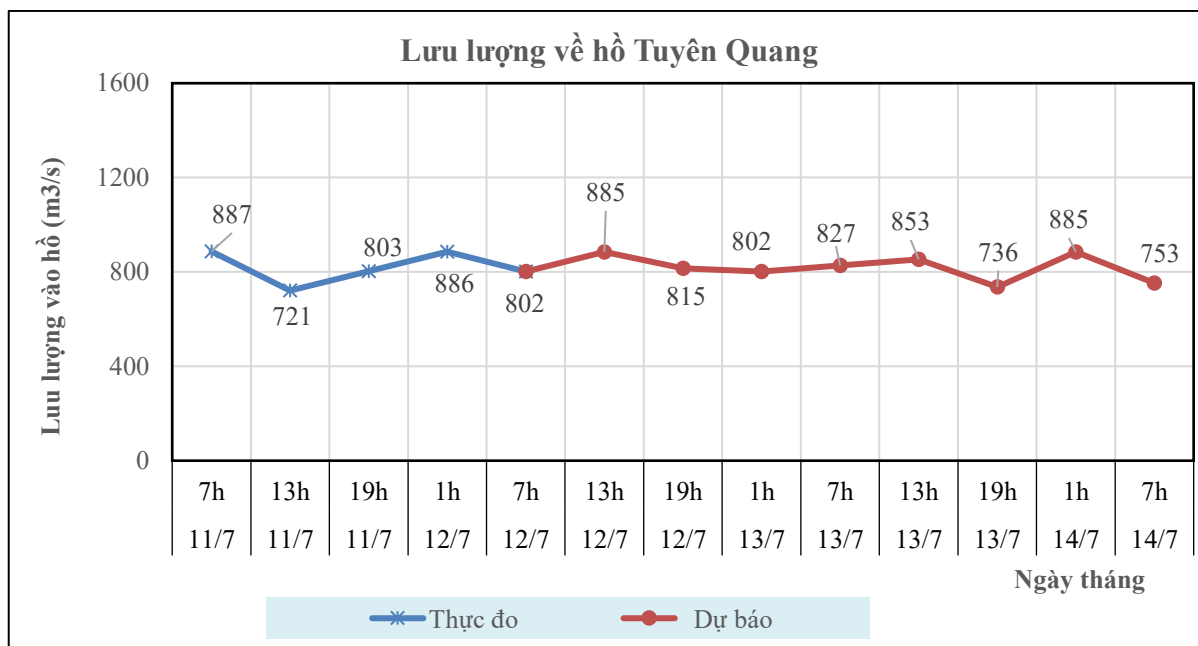
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

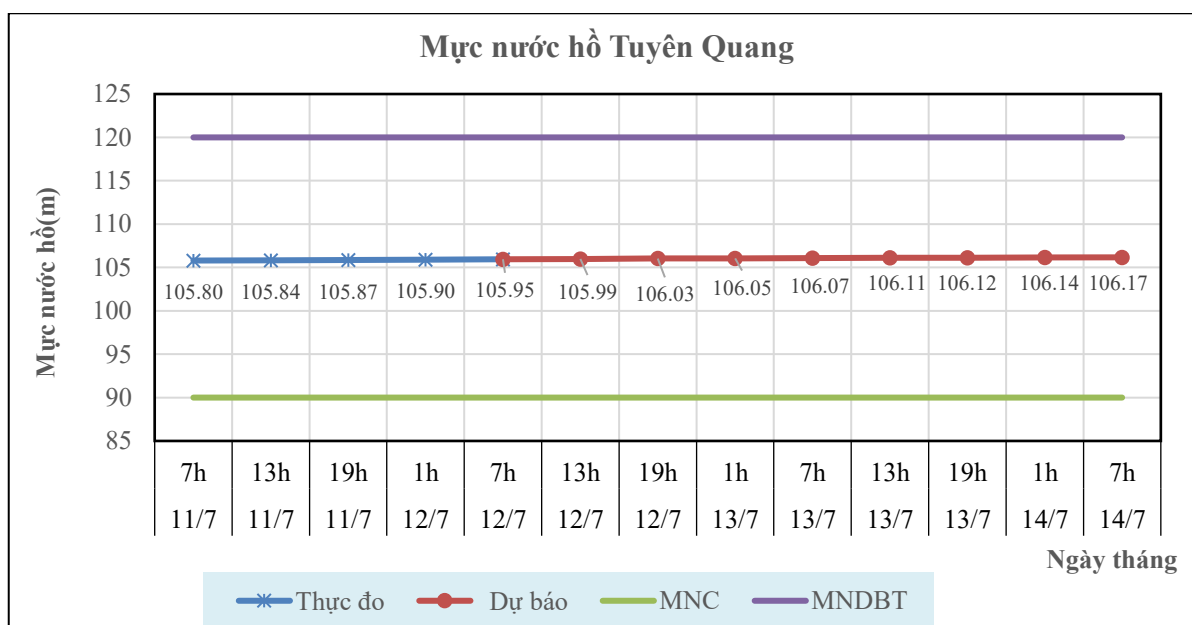
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/07/2025 đạt 802m³/s, mực nước hồ đạt 105.95m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 827m³/s, mực nước hồ 106.07m, 48h tới lưu lượng đạt 753m³/s, mực nước đạt 106.17m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

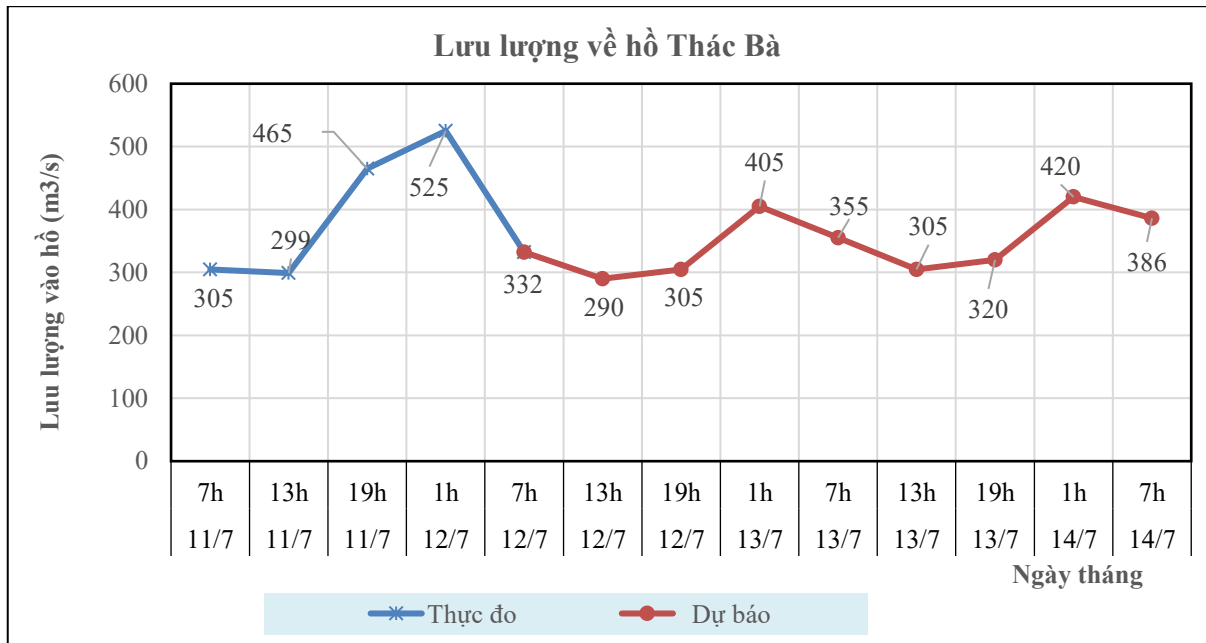
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

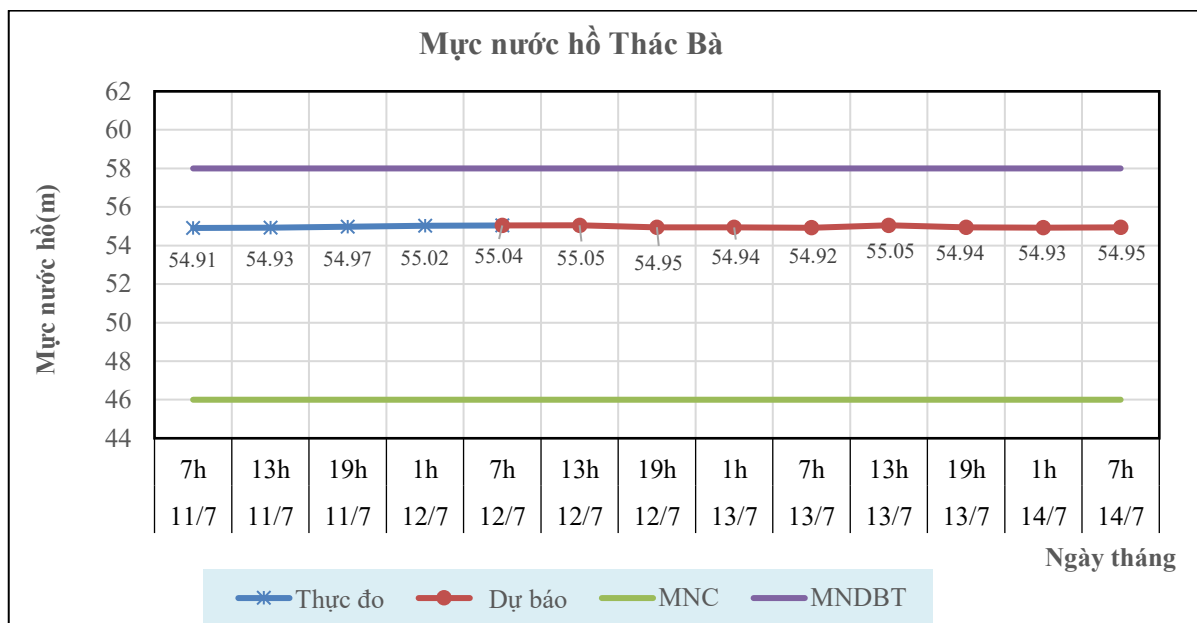
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/07/2025 đạt 332m³/s, mực nước hồ đạt 55.04m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 355m³/s, mực nước hồ 54.85m, 48h tới lưu lượng đạt 386m³/s, mực nước đạt 54.92m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	11/07/2025	13h	0	0	3820	3581	197.10	1	0	4065	3907	105.92	0	0	885	750	105.99	0	0	290	389	55.05
2		19h	0	0	3553	3287	197.12	1	0	3782	3907	105.92	0	0	815	750	106.03	0	0	305	389	54.95
3	12/07/2025	1h	0	0	3243	3893	197.10	1	0	3932	3907	105.91	0	0	802	750	106.05	0	0	405	389	54.94
4		7h	0	0	3671	3278	197.06	1	0	4125	3907	105.93	0	0	827	750	106.07	0	0	355	389	54.92
5		13h	0	0	3022	3002	197.07	1	0	3872	3907	105.94	0	0	853	750	106.11	0	0	305	389	55.05
6		19h	0	0	3511	3386	197.08	1	0	3673	3907	105.92	0	0	736	750	106.12	0	0	320	389	54.94
7	13/07/2025	1h	0	0	3861	3015	197.14	1	0	3744	3907	105.90	0	0	885	750	106.14	0	0	420	401	54.93
8		7h	0	0	3363	2912	197.21	1	0	3899	3907	105.89	0	0	753	750	106.17	0	0	386	401	54.95